| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐỨC HÒA**<br>**TỈNH LONG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 355/2024/DS-ST
Ngày: 16-9-2024
*"V/v tranh chấp về thừa kế tài sản"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Thắm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Chí Lin;

Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Phan Thanh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Mạnh Khang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 tháng 8 và ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 513/2024/TLST-DS, ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc *"Tranh chấp về thừa kế tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 436/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2024 và Thông báo mở lại phiên tòa số 58/TB-TA ngày 09 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số B ĐT H, Ô5, khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1969

Địa chỉ: Số I Ô, khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Mạnh H1, sinh năm 1968

Địa chỉ: Số B N, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H1: Bà Nguyễn Thị Chân L, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số D, Ô, khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An (Giấy ủy quyền ngày 21/10/2023).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số H, M, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Địa chỉ: Số C đường T, Ô, khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Bà H, bà M, bà L, ông T có mặt; UBND thị trấn H xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2023, đơn khởi kiện bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị Thanh M trình bày như sau:*

Cha mẹ bà H, bà M là ông Nguyễn Bá T1, sinh năm 1935, chết năm 2014 và bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1944, chết năm 2023. Ông T1, bà Y có 04 người con gồm ông Nguyễn Anh T, ông Nguyễn Mạnh H1, bà Nguyễn Thị Thanh M và bà Nguyễn Thị Thanh H, ngoài ra ông T1, bà Y không còn con nuôi hay con riêng nào khác. Cha mẹ ruột của ông T1 và bà Y cũng đã chết.

Quá trình chung sống, ông T1 và bà Y có tạo lập được tài sản như sau: Phần đất có diện tích 166,2m$^2$ thuộc thửa số 157, tờ bản đồ số 12-4-4, tọa lạc tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Cha mẹ bà H, bà M chết không để lại di chúc. Vào năm 2003, bà Nguyễn Thị Thanh H đã đi đăng ký kê khai thửa đất nêu trên cho ông Nguyễn Mạnh H1 và được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/08/2003, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1932QSDĐ. Tài sản này do ông Nguyễn Mạnh H1 đứng tên dùm cha mẹ là ông T1, bà Y vì cha mẹ đã lớn tuổi. Các anh em trong gia đình chưa được phân chia bất cứ phần đất nào của cha mẹ để lại. Bà M, bà H đã nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn Mạnh H1 chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại nhưng ông H1 không đồng ý chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Nay bà H, bà M khởi kiện yêu cầu: Buộc ông Nguyễn Mạnh H1 chia di sản thừa kế của ông T1, bà Y để lại theo quy định pháp luật đối với phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 170,9m$^2$ thuộc các thửa số 209, 224, tờ bản đồ số 50 (thửa cũ số 157, tờ bản đồ số 12-4-4), tọa lạc tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An, yêu cầu chia làm 4 kỷ phần bằng nhau và mỗi người nhận 01 kỷ phần tương ứng với phần giá trị tài sản. Bà H có yêu cầu được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất và đồng ý hoàn trả giá trị kỷ phần cho những người đồng thừa kế. Bà M có ý kiến đề nghị Tòa án giao quyền sử dụng đất này cho bà H quản lý và bà H hoàn lại giá trị cho những người đồng thừa kế.

Bà H, bà M xác định chỉ yêu cầu chia giá trị quyền sử dụng đất, ngoài ra không còn yêu cầu gì khác. Bà H, bà M không đồng ý trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 157, tờ bản đồ số 12-4-4 cho ông H1.

Bà H, bà M thống nhất với M1 trích đo địa chính số 74-2024 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 07/3/2024, không thống nhất giá trị quyền sử dụng đất thửa đất 157, tờ bản đồ số 12-4-4 là 1.316.955.000đồng theo chứng thư định giá số 132/08/04/2024/TĐG LA –BĐS ngày 08/4/2024 của Công ty cổ phần T2, nhưng bà H, bà M không yêu cầu Tòa án định giá lại.

**Bị đơn ông Nguyễn Mạnh H1 do bà Nguyễn Thị Chân L đại diện trình bày:**

Bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị Thanh M khởi kiện yêu cầu phân chia thừa kế đối với phần đất có diện tích tích 166,2 $m^2$ thuộc thửa số 157, tờ bản đồ số 12-4-4, tọa lạc tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An thì ông H1 không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H, bà M. Bởi vì nguồn gốc phần đất nêu trên là sản riêng của ông H1. Ông H1 nhận chuyển nhượng phần đất này từ ông Nguyễn Hồng P từ năm 2000, trên cơ sở đó ông H1 được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/8/2003. Ông H1 xác định đây là tài sản riêng của ông H1, do ông H1 nhận chuyển nhượng từ người khác. Phần đất và căn nhà trên đất không phải là di sản do cha mẹ ông H1 để lại nên ông H1 không đồng ý phân chia cho bất kỳ ai. Ông H1 sống chung với cha mẹ nhưng phần đất và căn nhà trên đất là do ông H1 đã bỏ tiền ra mua và xây cất, tôn tạo và gìn giữ từ xưa đến giờ. Nay bà H, bà M yêu cầu phân chia di sản thừa kế thì ông H1 không đồng ý và đề nghị:

- Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa xem xét không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn, trong trường hợp Tòa án có căn cứ cho rằng đây là di sản do cha mẹ của ông để lại thì ông H1 yêu cầu Tòa án xem xét phân chia cho ông H1 được nhận hai kỷ phần thừa kế vì ông H1 có công sức gìn giữ tôn tạo và quản lý di sản từ trước đến nay, ngoài ra ông H1 cũng là người thờ cúng cha mẹ từ khi cha mẹ chết cho đến nay. Ông H1 yêu cầu Tòa án giao cho ông H1 được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất. Ông H1 đồng ý hoàn trả giá trị kỷ phần di sản nêu trên cho các đồng thừa kế khác vì đây là chỗ ở duy nhất của ông H1.

- Yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh H và bà Nguyễn Thị Thanh M trả lại cho ông Nguyễn Mạnh H1 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất có diện tích 166,2$m^2$ thuộc thửa số 157, tờ bản đồ số 12-4-4, tọa lạc tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Nguyễn Mạnh H1 ngày 21/8/2003.

Ông H1 thống nhất với Mảnh trích đo địa chính số 74-2024 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 07/3/2024, thống nhất giá trị quyền sử dụng đất thửa đất 157, tờ bản đồ số 12-4-4 là 1.316.955.000đồng theo chứng thư định giá số 132/08/04/2024/TĐG LA –BĐS ngày 08/4/2024 của Công ty cổ phần T2.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Anh T trình bày:**

Ông không đồng ý việc bà H, bà M khởi kiện buộc ông H1 chia di sản thừa kế đối với phần đất có diện tích 166,2 $m^2$ thuộc thửa số 157, tờ bản đồ số 12-4-4, tọa lạc tại thị trấn H vì phần đất và căn nhà trên đất không phải là di sản do cha mẹ để lại, đây là tài sản riêng của ông Nguyễn Mạnh H1. Trong trường hợp Tòa án có căn cứ cho rằng đây là di sản do cha mẹ của ông để lại thì ông có yêu cầu độc lập như sau: Yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa xem xét phân chia phần đất có diện tích 166,2 $m^2$ thuộc thửa số 157, tờ bản đồ số 12-4-4, tọa lạc tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An ra làm 05 kỷ phần bằng nhau: Ông Nguyễn Anh T, Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị Thanh M mỗi người được hưởng 01 kỷ phần, ông Nguyễn Mạnh H1 được hưởng 02 kỷ phần. Ông T có ý kiến phần đất này là chỗ ở duy nhất của ông H1 nên đề nghị Tòa án giao cho ông H1 được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất và căn nhà trên đất, ông H1 có nghĩa vụ hoàn lại giá trị kỷ phần cho các đồng thừa kế.

Ông T thống nhất với Mảnh trích đo địa chính số 74-2024 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 07/3/2024, thống nhất giá trị quyền sử dụng đất thửa đất 157, tờ bản đồ số 12-4-4 là 1.316.955.000đồng theo chứng thư định giá số 132/08/04/2024/TĐG LA –BĐS ngày 08/4/2024 của Công ty cổ phần T2.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị trấn H có đơn xin vắng và có văn bản ý kiến như sau:**

Căn cứ theo Mảnh trích đo địa chính số 74-2024 được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 07/3/2024, qua kiểm tra thực tế, đối chiếu bản đồ địa chính quản lý thì phần diện tích đất thuộc khu C có diện tích 3,4$m^2$ (thuộc một phần thửa số 157, tờ bản đồ số 12-4-4), vị trí giữa hai thửa đất 209, 224, tờ bản đồ số 50 theo bản đồ mới là mương nước do Nhà nước quản lý, không phải cá nhân hoặc hộ dân nào quản lý sử dụng riêng. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, kết quả hòa giải không được nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, các đương sự xác định không cung cấp chứng cứ, tài liệu mới, không yêu cầu triệu tập thêm người tham gia tố tụng.

Nguyên đơn tại phiên tòa thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu chia thừa kế đối với phần diện tích đất 3,4$m^2$ thuộc khu C Mảnh trích đo địa chính do đây là đất mương nước do Nhà nước quản lý. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T cũng thống nhất việc không yêu cầu đối với phần diện tích đất 3,4$m^2$ này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố

tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp thừa kế tài sản đối với bị đơn, chấp nhận yêu cầu độc lập của ông T, xác định phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 167,5m$^2$ thuộc các thửa số 209, 224, tờ bản đồ số 50 (thửa cũ số 157, tờ bản đồ số 12-4-4), tọa lạc tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An là di sản do ông Nguyễn Bá T1 và bà Nguyễn Thị Y để lại. Quyền sử dụng này đề nghị chia thành 05 kỷ phần bằng nhau: ông T, bà M, bà H mỗi người nhận 01 kỷ phần, ông H1 nhận 02 kỷ phần do ông H1 có công sức giữ gìn, tôn tạo tài sản từ trước đến nay. Do quyền sử dụng đất không thể phân chia được theo quy định của pháp luật và các đồng thừa kế khác đã tạo lập gia đình có chỗ ở khác, ông H1 không có vợ con, đây là chỗ ở duy nhất của ông H1 nên đề nghị Tòa án giao quyền sử dụng đất cho ông H1 quản lý, sử dụng và ông H1 có nghĩa vụ hoàn trả giá trị kỷ phần cho các đồng thừa kế theo giá trị của Chứng thư thẩm định giá. Buộc nguyên đơn trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất có diện tích 166,2m$^2$ thuộc thửa số 157, tờ bản đồ số 12-4-4 cho ông H1.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị Thanh M khởi kiện yêu cầu buộc ông Nguyễn Mạnh H1 chia thừa kế đối với tài sản là quyền sử dụng đất. Bị đơn ông H1 cư trú tại huyện Đ, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về thừa kế tài sản" và thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị trấn H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện và quyền khởi kiện:

Ông T1 chết năm 2014, bà Y chết năm 2023. Ngày 03/7/2023 bà H, bà M khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với bất động sản là còn trong thời hiệu theo quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự.

Bà M, bà H là con ruột của ông T1, bà Y thuộc hàng thừa kế thứ nhất nên có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 651 Bộ luật Dân sự.

[1.4] Về phạm vi giải quyết: Do trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị Thanh M chỉ yêu cầu chia thừa kế là quyền sử dụng đất, bị đơn yêu cầu phản tố xác định phần đất này thuộc quyền sử

dụng của bị đơn, yêu cầu nguyên đơn trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên quan ông T yêu cầu được chia 01 kỷ phần di sản, không còn yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự xem xét giải quyết trong phạm vi yêu cầu của đương sự.

[1.5] Trong thời gian tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ, gồm Công văn số 572/CV-UBND ngày 05/9/2024 của Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành công khai cho các đương sự tiếp cận trực tiếp tài liệu, chứng cứ trên tại phiên tòa ngày 16/9/2024 là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị Thanh M về yêu cầu chia thừa kế là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 157, tờ bản đồ số 12-4-4, tọa lạc tại thị trấn H, huyện Đ thấy rằng:

[2.1.1] Về hàng thừa kế: Các đương sự trình bày thống nhất ông Nguyễn Bá T1 và bà Nguyễn Thị Y có 04 người con gồm ông Nguyễn Anh T, ông Nguyễn Mạnh H1, bà Nguyễn Thị Thanh M và bà Nguyễn Thị Thanh H, ngoài ra ông T1, bà Y không còn con nuôi hay con riêng nào khác. Cha mẹ ruột của ông T1 và bà Y cũng đã chết. Do đó hàng thừa kế thứ nhất của ông T1 và bà Y gồm ông Nguyễn Anh T, ông Nguyễn Mạnh H1, bà Nguyễn Thị Thanh M và bà Nguyễn Thị Thanh H. Ông T, ông H1, bà M, bà H thống nhất xác định ông T1, bà Y chết không để lại di chúc. Đây là các tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.1.2] Về di sản thừa kế: Tại phiên tòa, ông T, bà M, bà H thống nhất xác định thửa đất số 157, tờ bản đồ số 12-4-4, tọa lạc tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An là di sản do ông T1 và bà Y chết để lại. Ông H1 cho rằng đây là tài sản riêng của ông H1, không phải là di sản do cha mẹ để lại. Tuy nhiên, căn cứ theo "Giấy sang nhượng hoa màu và quyền sử dụng đất" ngày 27/10/2000 thể hiện phần đất đang tranh chấp do ông Nguyễn Bá T1 mua lại của ông Nguyễn Hồng P. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông H1 cũng không có ý kiến phản đối gì đối với việc ông T1 nhận chuyển nhượng đất của ông P. Mặt khác, bà H và ông H1 cho rằng có hùn tiền cùng với ông T1 để nhận chuyển nhượng đất của ông P nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình của mình. Do đó có căn cứ xác định thửa đất số 157, tờ bản đồ số 12-4-4, tọa lạc tại thị trấn H, huyện Đ là di sản do ông T1 và bà Y chết để lại theo Điều 612 Bộ luật Dân sự nên yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T là có căn cứ chấp nhận.

[2.1.3] Do ông T1 và bà Y chết không để lại di chúc, do đó bà H, bà M yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cha mẹ để lại theo quy định pháp luật đối với phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 167,5m$^2$ thuộc thửa 209, 224, tờ bản đồ số 50 (thửa cũ số 157, tờ bản đồ số 12-4-4), tọa lạc tại thị trấn H,

huyện Đ, tỉnh Long An là có căn cứ, nguyên đơn yêu cầu chia làm 04 phần bằng nhau và mỗi người nhận 01 kỷ phần tương ứng với phần giá trị tài sản. Bà H yêu cầu được nhận hiện vật và hoàn trả giá trị cho các đồng thừa kế khác. Ông H1 có ý kiến trường hợp có căn cứ chia di sản thì ông H1 cũng có yêu cầu được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất. Do quyền sử dụng đất không thể phân chia được theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà M và bà H không đồng ý với giá trị quyền sử dụng đất theo Chứng thư thẩm định giá nhưng không có yêu cầu định giá lại, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào giá trị theo Chứng thư thẩm định giá để giải quyết vụ án. Xét thấy, ông T, bà H, bà M đã có nơi ở khác ổn định, phần đất tranh chấp hiện ông H1 đang quản lý sử dụng, ông H1 không có vợ con và đây là nơi ở duy nhất của ông H1, do đó cần giao quyền sử dụng đất là di sản cho ông H1 quản lý sử dụng là phù hợp và buộc ông H1 có trách nhiệm hoàn trả giá trị kỷ phần cho các đồng thừa kế khác.

[2.1.4] Căn cứ theo chứng thư định giá số 132/08/04/2024/TĐG LA – BĐS ngày 08/4/2024 của Công ty cổ phần T2 thì giá trị quyền sử dụng đất thửa số 209, 224, tờ bản đồ số 50 (thửa cũ số 157, tờ bản đồ số 12-4-4), tọa lạc tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An là 1.290.755.000đồng. Xét ý kiến của ông H1 về việc yêu cầu được nhận thêm 01 kỷ phần thấy rằng, do ông H1 từ nhỏ sinh sống cùng cha mẹ là ông T1, bà Y đến khi ông T1, bà Y chết thì ông H1 tiếp tục quản lý sử dụng cho đến nay, ông H1 có công sức trong việc giữ gìn, bảo quản, tôn tạo di sản do đó Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông H1. Giá trị di sản là 1.290.755.000đồng chia thành 05 phần bằng nhau, mỗi kỷ phần tương ứng 258.151.000đồng. Ông H1 có trách nhiệm hoàn trả giá trị kỷ phần cho các đồng thừa kế khác gồm ông T, bà H, bà M mỗi người 258.151.000đồng theo quy định tại Điều 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự.

[2.2] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất có diện tích 166,2m$^2$ thuộc thửa số 157, tờ bản đồ số 12-4-4, tọa lạc tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Nguyễn Mạnh H1 ngày 21/8/2003, thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn thừa nhận có giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 157, tờ bản đồ số 12-4-4 của ông H1. Xét thấy đây là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền cấp cho ông Nguyễn Mạnh H1, hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án có căn cứ để Hội đồng xét xử giao di sản là quyền sử dụng đất cho ông H1 được quyền quản lý, sử dụng nên cần buộc nguyên đơn giao trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bị đơn là phù hợp. Trường hợp bà H, bà M không trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên thì ông H1 được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ tổng số tiền là 20.000.000đồng, ông T, bà M, bà H mỗi người phải chịu 4.000.000đồng, ông H1 phải chịu 8.000.000đồng. Bà H đã nộp và chi xong. Buộc ông T, ông H1, bà M trả lại cho bà H số tiền này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên phần giá trị tài sản được hưởng, nguyên đơn phải liên đới chịu án phí dân sự đối với yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 468, 609, 612, 618, 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị Thanh M đối với bị đơn ông Nguyễn Mạnh H1 về việc chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất; Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Anh T về việc yêu cầu chia thừa kế.

Ông Nguyễn Mạnh H1 được nhận, quản lý và sử dụng quyền sử dụng đất thuộc các thửa đất số 209, 224, tờ bản đồ số 50 (thửa cũ số 157, tờ bản đồ số 12-4-4), diện tích đo đạc thực tế là 167,5m², diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 166,2m², loại đất ở đô thị (ODT). Vị trí, tứ cận theo Mảnh trích đo địa chính do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ đo vẽ ngày 22 tháng 02 năm 2024 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 07/3/2024.

Ông Nguyễn Mạnh H1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Anh T, bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Thanh H phần giá trị di sản của mỗi người là 258.151.000đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Mạnh H1. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Thanh H giao trả lại cho ông Nguyễn Mạnh H1 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất có diện tích 166,2m$^2$ thuộc thửa số 157, tờ bản đồ số 12-4-4, tọa lạc tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Nguyễn Mạnh H1 ngày 21/8/2003.

Trường hợp bà M, bà H không trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông H1 thì ông Nguyễn Mạnh H1 có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, kê khai, cấp, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật về đất đai. Cơ quan có thẩm quyền căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Mạnh H1 phù hợp với kết quả giải quyết vụ án.

3. Về chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ tổng số tiền là 20.000.000đồng. Ông T, bà M, bà H mỗi người phải chịu 4.000.000đồng, ông H1 phải chịu 8.000.000đồng. Bà H đã nộp và chi xong. Buộc ông T, bà M mỗi người trả lại cho bà H số tiền 4.000.000đồng, ông H1 trả lại cho bà H số tiền 8.000.000đồng.

4. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị Thanh M mỗi người phải chịu 12.907.550đồng. Ông H1 phải chịu 24.652.080đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

Khấu trừ số tiền bà Nguyễn Thị Thanh H đã nộp tạm ứng án phí là 10.000.000đồng theo biên lai thu số 0005897 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Bà H còn phải nộp tiếp số tiền 2.907.550đồng.

Khấu trừ số tiền bà Nguyễn Thị Thanh M đã nộp tạm ứng án phí là 10.000.000đồng theo biên lai thu số 0005898 ngày 04/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Bà M còn phải nộp tiếp số tiền 2.907.550đồng.

Khấu trừ số tiền ông Nguyễn Mạnh H1 đã nộp tạm ứng án phí là 300.000đồng theo biên lai thu số 0006324 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Ông H1 còn phải nộp tiếp số tiền 24.352.080đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh H và bà Nguyễn Thị Thanh M phải liên đới chịu 300.000đồng án phí dân sự đối với yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận.

Ông Nguyễn Anh T được miễn án phí, hoàn trả lại cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.584.775 đồng theo biên lai thu số 0004975 ngày 28/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Kim Thắm**